

98/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU – LUỒNG VŨNG TÀU – THỊ VẢI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 147/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4TV002 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 07 tháng 07 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	13_3	10°36'13.91"N	107°01'15.38"E
		0_4	10°36'19.56"N	107°01'17.08"E
		1_1	10°36'17.8"N	107°01'16.45"E
		3	10°36'16.67"N	107°01'15.41"E
	Độ sâu ngập triều	1_8	10°36'21.24"N	107°01'14.39"E
Xoá	Độ sâu	3_7	10°36'16.69"N	107°01'15.35"E
		14	10°36'12.19"N	107°01'16.19"E
		1_9	10°36'18.03"N	107°01'16.35"E
		4_1	10°36'19.53"N	107°01'16.53"E
	Độ sâu ngập triều	2_1	10°36'21.16"N	107°01'14.64"E
		2_5	10°36'21.17"N	107°01'16.24"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 07 tháng 07 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	13_3	10°36'13.91"N	107°01'15.38"E
------	--------	--------	---------------	----------------

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

98/2022 - VIET NAM – BA RIA – VUNG TAU SEA PORT WATER – VUNG TAU – THI VAI CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.147/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4TV002 (Edition No. 2, updated on July 7th, 2022)

Insert	Depth	13_3	10°36'13.91"N	107°01'15.38"E
		0_4	10°36'19.56"N	107°01'17.08"E
		1_1	10°36'17.8"N	107°01'16.45"E
		3	10°36'16.67"N	107°01'15.41"E
	Drying height	1_8	10°36'21.24"N	107°01'14.39"E
Delete	Depth	3_7	10°36'16.69"N	107°01'15.35"E
		14	10°36'12.19"N	107°01'16.19"E
		1_9	10°36'18.03"N	107°01'16.35"E
		4_1	10°36'19.53"N	107°01'16.53"E

Drying height	<u>2</u> ₁	10°36'21.16"N	107°01'14.64"E
	<u>2</u> ₅	10°36'21.17"N	107°01'16.24"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on July 7th, 2022)

Insert	Depth	13 ₃	10°36'13.91"N	107°01'15.38"E
--------	-------	-----------------	---------------	----------------

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
